

# Đánh giá năng lực đặc thù môn Khoa học ở Tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

**Đoàn Thị Ngân**

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh  
Số 01 Võ Văn Ngân, thành phố Thủ Đức,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Email: ngandt.ncs@hcmute.edu.vn

**TÓM TẮT:** Phát triển năng lực học sinh là một trong những nội dung đổi mới cơ bản trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Để đo lường được sự phát triển năng lực người học, cần phải thực hiện đánh giá năng lực. Thực tế hiện nay, Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình môn Khoa học lớp 4, 5 ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT mới chỉ dừng lại ở việc xác định phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù môn Khoa học. Tài liệu bồi dưỡng kiểm tra, đánh giá học sinh Tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực môn Khoa học (mô-đun 3.9) (2020) tuy có đề cập đến các mức độ thể hiện năng lực nhưng còn chung chung. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng các mức độ đánh giá năng lực, cụ thể là năng lực đặc thù môn Khoa học ở Tiểu học, giúp cho việc đánh giá năng lực học sinh được dễ dàng, chính xác, khách quan.

**TỪ KHÓA:** Môn Khoa học, trường tiểu học, mức độ đánh giá, năng lực đặc thù.

→ Nhận bài 14/8/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 27/8/2021 → Duyệt đăng 25/10/2021.

## 1. Đặt vấn đề

Để đo lường mục tiêu phát triển năng lực (NL) môn Khoa học ở Tiểu học theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông (CTGDPT) 2018, cần căn cứ vào mức độ, tiêu chí của từng thành phần NL. Tuy nhiên, hiện nay, mức độ đánh giá (ĐG) NL môn Khoa học, cụ thể là NL đặc thù (NL khoa học tự nhiên) vẫn còn là vấn đề bỏ ngỏ. Việc đề xuất mức độ ĐG NL đặc thù môn Khoa học ở Tiểu học sẽ là vấn đề được giải quyết trong bài viết này. Tác giả đã đưa ra các mức độ ĐG NL cụ thể, rõ ràng, làm căn cứ giúp giáo viên đo lường, ĐG NL học sinh (HS) một cách dễ dàng, chính xác, khách quan.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm năng lực

Trong tiếng Anh, một số từ có nghĩa NL như competency, ability, capability, efficiency, capacity, potentiality... Tiếng Việt cũng có một số từ gần nghĩa với NL như tiềm năng, khả năng, kỹ năng... Theo quan điểm của F. E. Weinert (2001), NL là tổng hợp các kỹ năng và kỹ xảo sẵn có hoặc được học của con người nhằm giải quyết các tình huống hiệu quả và linh hoạt [1, tr.25]. OECD (2002) định nghĩa: “NL là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể” [2].

Chương trình Giáo dục trung học Québec - Bộ Giáo dục Canada (2004) quan niệm NL có thể định nghĩa như là một hành động hiệu quả bằng sự cố gắng dựa trên kiến thức, kỹ năng, thái độ, kinh nghiệm của người học [3]. NL là “phẩm chất tâm lý và sinh lý tạo cho con người khả năng hoàn thành một loại hoạt động nào đó

với chất lượng cao” [4, tr.660-661].

CTGDPT 2018 xác định: “NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tổ chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hành động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể” [5, tr.37].

Mặc dù với nhiều cách tiếp cận khác nhau nhưng các khái niệm đều hướng tới một điểm chung, gần như có sự đồng nhất NL với hành động, NL có được thông qua hành động, thực hành. Trên cơ sở kế thừa quan điểm của các tác giả nêu trên, chúng tôi cho rằng: NL là sự vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính tâm lý như động cơ, ý chí, tình cảm... để thực hiện một hoạt động, giải quyết một vấn đề trong bối cảnh cụ thể đạt kết quả tốt. NL cá nhân được hình thành và phát triển thông qua hoạt động học tập, rèn luyện và trải nghiệm.

### 2.2. Khái niệm đánh giá năng lực

Theo Nguyễn Thị Lan Phương (2016, tr.197), NL của người học sẽ được đo lường và ĐG dựa vào những kiến thức, kỹ năng học đã thu nhận được, từ những trải nghiệm trong cuộc sống và khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đó để giải quyết các vấn đề mang tính thực tiễn. Vì vậy, ĐG NL người học dựa trên cơ sở cá nhân người học thực hiện các nhiệm vụ tốt như thế nào hơn là so sánh họ với người khác [6]. ĐG NL người học là quá trình thu thập, phân tích, xử lý và giải thích chứng cứ về sự phát triển NL của người học; xác định nguyên nhân, đưa ra những biện pháp cải thiện việc dạy

và việc học dựa theo chuẩn thực hiện [6, tr.197]. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, chúng tôi thống nhất với quan niệm về ĐG NL người học của Nguyễn Thị Lan Phương (2016).

**2.3. Đặc điểm cơ bản của đánh giá năng lực**

Theo Nguyễn Thị Lan Phương (2016), ĐG NL là một hình thức đặc biệt của ĐG HS với 3 đặc điểm cơ bản sau [6, tr.197]: 1/ Chứng cứ cần thu thập phải chứng minh được người học có thể thực hiện theo các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể; 2/ Cách thức ĐG xuất phát từ các tiêu chí hành vi của chuẩn NL; 3/ Kết quả ĐG phải giúp người ĐG xác định được vị trí của HS trên đường phát triển NL và lập kế hoạch can thiệp sư phạm để có thể cải thiện NL của người học.

ĐG NL người học là một hoạt động rất phức tạp bởi bản thân NL là một biến ẩn - là sự tổng hòa các yếu tố: Kiến thức và kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành và kinh nghiệm sống, thái độ, động cơ học tập, xúc cảm, giá trị. Vì vậy, việc ĐG NL được xem xét ở các bình diện như: Nguyên tắc ĐG, mục đích ĐG, chứng cứ ĐG, phương pháp và công cụ ĐG, cách thu thập dữ liệu, giải thích bằng chứng và báo cáo sự phát triển NL cho các bên liên quan. Cách thức đánh giá NL xuất phát từ các tiêu chí hành vi của chuẩn NL [6, tr.220].

Xuất phát từ những đặc điểm nêu trên, bộ công cụ ĐG NL môn Khoa học cần gắn với các tiêu chí, mức độ đo NL chung và NL đặc thù theo quy định của CTGDPT 2018. Các mức độ cần được xác định cụ thể, rõ ràng dựa trên nguyên tắc đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, tính linh hoạt, tính công bằng, hệ thống, toàn diện, được đặt trong bối cảnh cụ thể và phát triển HS.

Với mục đích ĐG NL là ĐG, giám sát sự tiến bộ của HS dựa theo chuẩn đầu ra của CTGDPT 2018, việc ĐG NL cần thực hiện theo quy trình ĐG thông qua 6 bước sau: 1/ Xác định rõ mục đích ĐG; 2/ Xác định bằng chứng cần thiết; 3/ Phát triển phương pháp, công cụ ĐG thích hợp; 4/ Thu thập bằng chứng, mã hóa thông tin; 5/ Giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét; 6/ Báo cáo

cho các bên liên quan [6]. Vì vậy, để ĐG NL đặc thù môn Khoa học ở Tiểu học theo CTGDPT 2018 [7], cần xác định tiêu chí, mức độ cụ thể, rõ ràng để thực hiện ĐG NL HS một cách dễ dàng, chính xác.

**2.4. Năng lực đặc thù môn Khoa học ở Tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**

CTGDPT 2018 xác định NL môn Khoa học ở Tiểu học như sau (xem Hình 1).

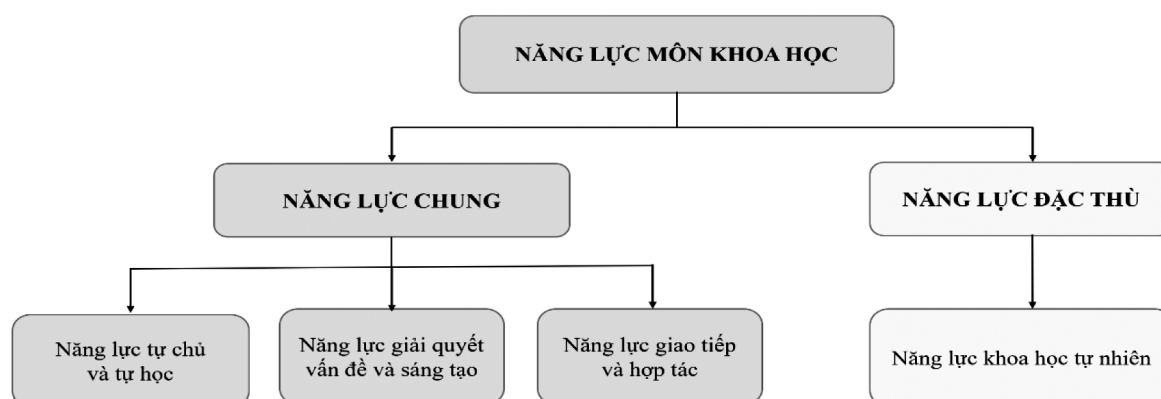
NL đặc thù môn Khoa học ở Tiểu học là NL khoa học tự nhiên bao gồm các thành phần NL: NL nhận thức khoa học tự nhiên; NL tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh; NL vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học. Những biểu hiện của từng thành phần NL được quy định trong chương trình tổng thể môn Khoa học (tr. 4,5,6). Cụ thể như sau (xem Hình 2).

**2.5. Mức độ đánh giá năng lực đặc thù môn Khoa học ở Tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**

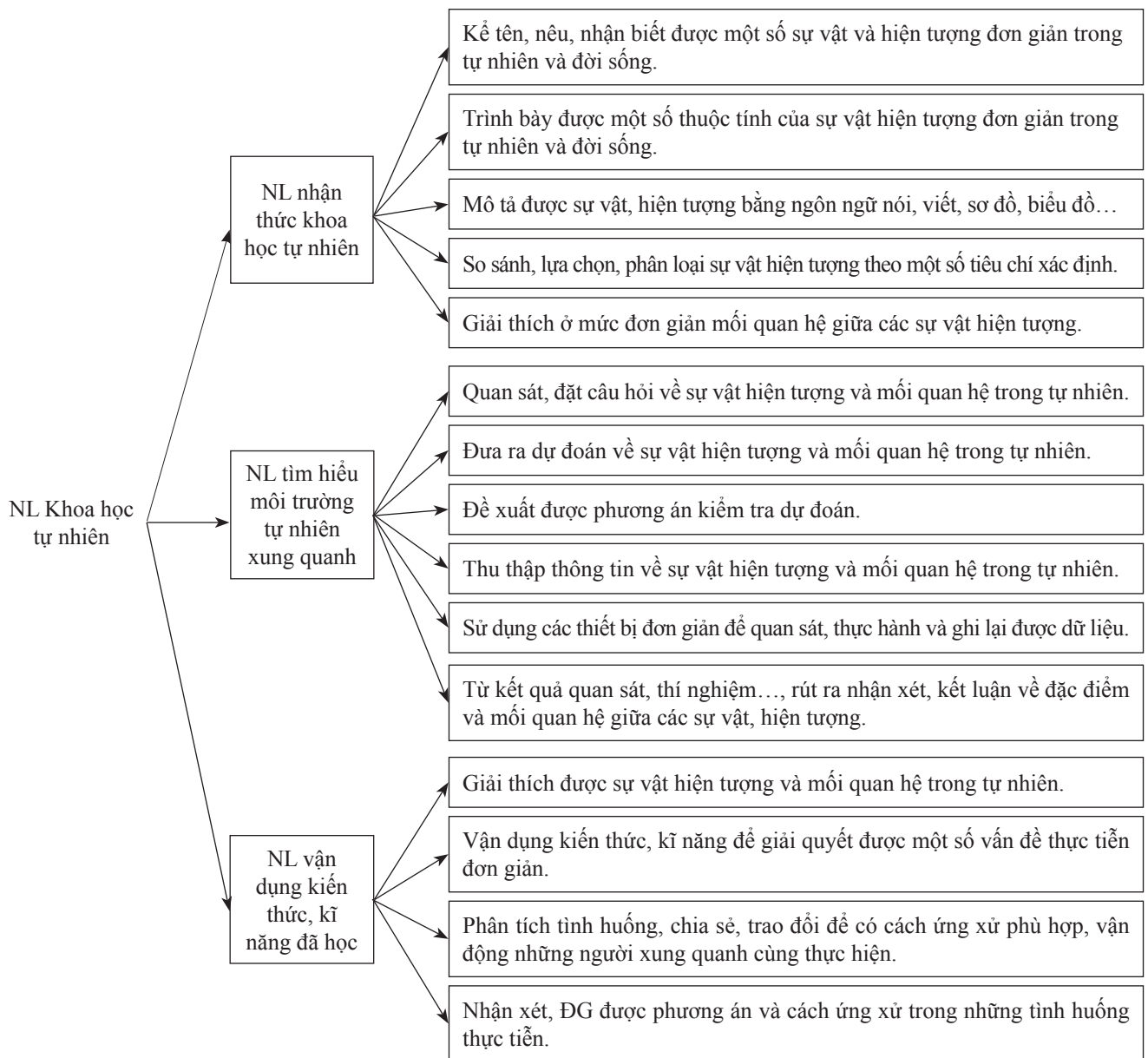
**2.5.1. Căn cứ để xuất mức độ đánh giá năng lực đặc thù môn Khoa học ở trường Tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**

CTGDPT 2018 đã đưa ra hệ thống các thành phần NL đặc thù môn Khoa học (NL Khoa học tự nhiên) của HS tiểu học [7, tr.4-6]; tài liệu bồi dưỡng mô đun 3.9 về kiểm tra, ĐG HS tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, NL môn Khoa học (2020) đã hướng dẫn nội dung, quy trình, phương pháp ĐG, mức độ thể hiện NL [8, tr.21] nhưng chưa xác định rõ các mức độ và nội dung cụ thể để làm cơ sở ĐG NL HS. Vì vậy, chúng tôi nhận thấy sự cần thiết phải đề xuất, xây dựng mức độ ĐG NL đặc thù môn khoa học ở trường Tiểu học theo CTGDPT 2018. Để xây dựng các mức độ ĐG NL, chúng tôi căn cứ vào 4 cơ sở chủ yếu sau đây:

- Căn cứ vào biểu hiện của từng thành phần NL đặc thù [7];
- Căn cứ vào mục tiêu môn Khoa học (các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ) [7];
- Căn cứ các mức độ ĐG HS Tiểu học hiện hành (3



Hình 1: Sơ đồ hệ thống NL môn Khoa học của HS Tiểu học [7, tr.4]



Hình 2: Sơ đồ hệ thống các thành phần và tiêu chí ĐG NL của NL đặc thù môn Khoa học (NL Khoa học tự nhiên) của HS Tiểu học [7, tr.4-6]

**Bảng 1: Mức độ ĐG NL nhận thức khoa học tự nhiên**

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Vượt
Kể tên, nêu, nhận biết được một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống, bao gồm một số vấn đề về chất, NL, thực vật, động vật, nấm và vi khuẩn, con người và sức khỏe, sinh vật và môi trường.	Kể tên, nêu được một số sự vật và hiện tượng đơn giản nhưng chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ. Nhận biết được một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống nhưng chưa chính xác.	Kể tên, nêu chính xác, đầy đủ, chủ yếu lấy thông tin từ sách giáo khoa. Nhận biết và phân biệt chính xác được một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống.	Kể tên, nêu chính xác, đầy đủ, mở rộng nội dung (ngoài sách giáo khoa). Nhận biết, phân biệt chính xác, thấy được mối liên hệ giữa một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống.
Trình bày được một số thuộc tính của một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống.	Trình bày được một số thuộc tính của một số sự vật và hiện tượng đơn giản nhưng chưa chính xác, chưa đầy đủ.	Trình bày được đầy đủ, chính xác một số thuộc tính của một số sự vật và hiện tượng đơn giản, thông tin chủ yếu lấy từ sách giáo khoa.	Trình bày được đầy đủ, chính xác, mở rộng nội dung (ngoài sách giáo khoa); phân biệt được rõ ràng từng thuộc tính của từng sự vật, hiện tượng đơn giản.

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Vượt
Mô tả được sự vật và hiện tượng bằng các hình thức biểu đạt ngôn ngữ nói, viết, sơ đồ, biểu đồ.	Mô tả được sự vật và hiện tượng nhưng chưa đầy đủ, chưa chính xác.	Mô tả được sự vật và hiện tượng chính xác, đầy đủ, thông tin chủ yếu lấy từ sách giáo khoa.	Mô tả, phân biệt được chính xác, đầy đủ, rõ ràng, mở rộng nội dung (ngoài sách giáo khoa); thấy được mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng.
So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật và hiện tượng dựa trên một số tiêu chí xác định.	So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật và hiện tượng nhưng chưa chính xác, chưa đầy đủ.	So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật và hiện tượng đầy đủ, chính xác.	So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật và hiện tượng đầy đủ, chính xác, mở rộng nội dung (ngoài sách giáo khoa); tìm ra được điểm khác biệt cơ bản của sự vật, hiện tượng.
Giải thích được về mối quan hệ (ở mức đơn giản) giữa các sự vật và hiện tượng (nhân quả, cấu tạo - chức năng...)	Giải thích được về mối quan hệ (ở mức đơn giản) giữa các sự vật và hiện tượng nhưng chưa đầy đủ, chưa chính xác.	Giải thích được về mối quan hệ (ở mức đơn giản) giữa các sự vật và hiện tượng đầy đủ, chính xác, thông tin chủ yếu lấy từ sách giáo khoa.	Giải thích đầy đủ, chính xác, làm rõ mối quan hệ (ở mức đơn giản) giữa các sự vật và hiện tượng, mở rộng nội dung (ngoài sách giáo khoa).

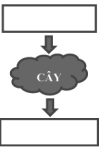
**Bảng 2: Mức độ ĐG NL tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh**

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Vượt
Quan sát và đặt được câu hỏi về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật bao gồm con người và vấn đề sức khỏe.	Quan sát sự vật hiện tượng nhưng chưa rõ ràng, chưa chính xác, chưa thấy được mối quan hệ (ở mức đơn giản) trong tự nhiên, về thế giới sinh vật bao gồm con người và vấn đề sức khỏe. Đặt câu hỏi nhưng chưa thể hiện rõ nội dung cần hỏi, chưa đi vào vấn đề trọng tâm cần tìm hiểu.	Quan sát sự vật hiện tượng đầy đủ, rõ ràng, chính xác, thấy được mối quan hệ (ở mức đơn giản) trong tự nhiên, về thế giới sinh vật bao gồm con người và vấn đề sức khỏe. Đặt được câu hỏi chính xác, có trọng tâm nhưng diễn đạt chưa rõ ràng.	Quan sát và phát hiện được những điểm khác biệt cơ bản, làm rõ mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật bao gồm con người và vấn đề sức khỏe. Đặt được câu hỏi chính xác, có trọng tâm, ngắn gọn, rõ ràng, xúc tích.
Đưa ra dự đoán về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng chức năng...)	Đưa ra dự đoán về sự vật, hiện tượng chưa rõ ràng, chưa chính xác.	Đưa ra dự đoán về sự vật, hiện tượng chính xác, đầy đủ nhưng diễn đạt chưa rõ ràng.	Đưa ra dự đoán về sự vật, hiện tượng, chính xác, đầy đủ, có trọng tâm, rõ ràng.
Đề xuất được phương án kiểm tra dự đoán.	Đề xuất được phương án nhưng chưa rõ ràng, chưa chính xác, chưa khả thi.	Đề xuất được phương án chính xác nhưng diễn đạt chưa rõ ràng.	Đề xuất được phương án rõ ràng, chính xác.
Thu thập được các thông tin về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và sức khỏe bằng nhiều cách khác nhau (quan sát các sự vật và hiện tượng xung quanh, đọc tài liệu, hỏi người lớn, tìm trên internet...)	Thông tin thu thập được chủ yếu từ Sgk hoặc thông tin thu thập chưa phù hợp với yêu cầu.	Thu thập được các thông tin từ nhiều nguồn thông tin nhưng một số nguồn thông tin chưa có độ tin cậy cao; thông tin phù hợp yêu cầu.	Thu thập được các thông tin từ nhiều nguồn thông tin và lựa chọn được nguồn thông tin đầy đủ, phong phú, có tính cập nhật và độ tin cậy cao; phù hợp yêu cầu.
Sử dụng các thiết bị đơn giản để quan sát, thực hành, làm thí nghiệm tìm hiểu những sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và ghi lại các dữ liệu đơn giản từ quan sát, thí nghiệm, thực hành...	Sử dụng các thiết bị chưa thuần thực, chưa an toàn. Ghi lại các dữ liệu đơn giản nhưng chưa rõ ràng, chưa thể hiện được nội dung chính thu được từ quan sát, thực hành, thí nghiệm...	Sử dụng các thiết bị khá thuần thực, an toàn. Ghi lại các dữ liệu đơn giản thể hiện được nội dung chính thu được từ quan sát, thực hành, thí nghiệm... khá đầy đủ, chính xác.	Sử dụng các thiết bị thuần thực, an toàn. Ghi lại các dữ liệu đơn giản thể hiện được nội dung chính thu được từ quan sát, thực hành, thí nghiệm... đầy đủ, chính xác, rõ ràng.
Từ kết quả quan sát, thí nghiệm, thực hành,... rút ra được nhận xét, kết luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng.	Rút ra được nhận xét, kết luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng nhưng chưa chi tiết, chưa đầy đủ, chưa đưa ra được kết luận.	Rút ra được nhận xét, kết luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng nhưng đầy đủ, chính xác nhưng diễn đạt chưa rõ ràng.	Rút ra được nhận xét, kết luận về đặc điểm và mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng đầy đủ, chính xác, rõ ràng, logic.

**Bảng 3: Mức độ ĐG NL vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học**

Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Vượt
Giải thích được một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật, bao gồm con người và các biện pháp giữ gìn sức khỏe.	Giải thích được một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật nhưng chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, chưa đi vào nội dung trọng tâm.	Giải thích được một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật nhưng đầy đủ, đi vào nội dung trọng tâm nhưng diễn đạt chưa rõ ràng.	Giải thích chính xác, ngắn gọn, rõ ràng, xúc tích, có trọng tâm và làm rõ về một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật.
Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó vận dụng kiến thức khoa học và kiến thức kĩ năng từ các môn khác có liên quan.	Giải quyết vấn đề nhưng chưa hợp lí, chưa vận dụng kiến thức, kĩ năng từ các môn học khác có liên quan.	Giải quyết vấn đề hợp lí trên cơ sở vận dụng kiến thức, kĩ năng từ các môn học khác có liên quan.	Giải quyết vấn đề hợp lí, sáng tạo, linh hoạt trên cơ sở vận dụng kiến thức, kĩ năng từ các môn học khác có liên quan.
Phân tích tình huống, từ đó đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống có liên quan đến sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng và môi trường tự nhiên xung quanh; trao đổi, chia sẻ, vận động những người xung quanh cùng thực hiện.	Phân tích tình huống chưa rõ ràng, chưa đi vào nội dung trọng tâm. Đưa ra cách ứng xử chưa phù hợp. Chưa có sự trao đổi, chưa chia sẻ, chưa vận động những người xung quanh.	Phân tích tình huống khá rõ ràng, đi vào nội dung trọng tâm. Đưa ra cách ứng xử khá phù hợp. Có sự trao đổi, chia sẻ, với những người xung quanh.	Phân tích tình huống rõ ràng, đi vào nội dung trọng tâm. Đưa ra cách ứng xử phù hợp. Có sự trao đổi, chia sẻ, vận động những người xung quanh.
Nhận xét, ĐG được phương án giải quyết và cách ứng xử trong các tình huống gắn với đời sống.	Đưa ra nhận xét, ĐG chưa rõ ràng, chưa chính xác. Cách ứng xử trong các tình huống gắn với đời sống chưa phù hợp.	Đưa ra nhận xét, ĐG chính xác nhưng diễn đạt chưa rõ ràng. Cách ứng xử trong các tình huống gắn với đời sống tương đối phù hợp.	Đưa ra nhận xét, ĐG rõ ràng, chính xác. Cách ứng xử trong các tình huống gắn với đời sống phù hợp.

**Bảng 4: Nội dung ĐG theo mức độ ĐG**

Tiêu chí	Câu hỏi	ĐG từng mức độ
1. Kể tên, nêu, nhận biết được một số sự vật và hiện tượng đơn giản.	Câu 1: HS quan sát con tôm sú biển và chỉ ra các bộ phận bên ngoài của con tôm?	Chưa đạt: HS chỉ sai hoàn toàn hoặc chỉ đúng 2 bộ phận. Đạt: HS chỉ đúng từ 3 - 5 bộ phận. Vượt: HS chỉ đúng hoàn toàn các bộ phận của con tôm (gồm: đầu, râu, đuôi, chân, mình) và kể thêm một số bộ phận (mắt, vỏ...).
2. Trình bày được một số thuộc tính của một số sự vật và hiện tượng đơn giản.	Câu 2: Sau khi quan sát hoa hồng, em hãy cho biết đặc điểm của hoa hồng?	Chưa đạt: HS nêu sai hoàn toàn hoặc có 1 vài chi tiết đúng nhưng diễn đạt lủng củng, khó hiểu. Đạt: HS nêu đúng nhưng diễn đạt chưa rõ ràng. Vượt: HS nêu đầy đủ, đúng, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu. (Hoa hồng thường có mùi thơm, có nhiều màu. Hoa được dùng để trang trí, làm nước hoa, ướp trà...).
3. Mô tả được sự vật, hiện tượng bằng ngôn ngữ, viết, sơ đồ...	Câu 3: HS quan sát sơ đồ quá trình quang hợp của cây và mô tả lại bằng lời? 	Chưa đạt: HS mô tả sai hoàn toàn hoặc đúng 1 nội dung, diễn đạt lủng củng, chưa rõ ràng. Đạt: HS mô tả đúng nhưng diễn đạt chưa rõ ràng. Vượt: HS mô tả và diễn đạt đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu. (Quá trình quang hợp của Cây diễn ra dưới ánh sáng mặt trời. Lá Cây hấp thụ khí cacbonic và thải ra khí oxi).
4. So sánh, lựa chọn, phân loại được sự vật hiện tượng.	Câu 4: HS xem clip về 4 mùa trong 1 năm và so sánh đặc trưng khí hậu của 4 mùa ?	Chưa đạt: HS không so sánh và không tìm được điểm khác nhau cơ bản của khí hậu 4 mùa trong năm. Đạt: HS so sánh và tìm ra đúng các điểm khác nhau cơ bản của khí hậu 4 mùa trong năm nhưng diễn đạt chưa rõ ràng. Vượt: HS so sánh và tìm điểm khác nhau cơ bản đúng, đầy đủ, diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu. (Mùa Xuân: Khí hậu ấm áp, trong lành. Mùa Hạ: Khí hậu nóng Mùa Thu: Khí hậu mát mẻ Mùa Đông: Khí hậu lạnh)
5. Giải thích (ở mức đơn giản) mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng.	Câu 5: Sau khi quan sát đoạn clip dài 1 phút về việc xả rác thải xuống dòng kênh, em hãy giải thích vì sao việc xả rác thải lại gây ô nhiễm nguồn nước ?	Chưa đạt: HS không giải thích được hoặc giải thích sai hoàn toàn, diễn đạt lủng củng, khó hiểu. Đạt: HS giải thích được nhưng chưa rõ ràng. Vượt: HS giải thích rõ ràng, đúng và đủ ý. (Trong rác thải có chứa nhiều chất bẩn độc hại, vi khuẩn gây bệnh... Việc xả rác xuống dòng kênh sẽ làm nguồn nước bị ô nhiễm, làm chết cây cối và sinh vật sống trong nước).

mức) (Điều 7, Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT) [9];

- Căn cứ vào sản phẩm của nhóm Khoa học xã hội, lớp tập huấn Khung và phương pháp ĐG NL người học (chương trình READ năm 2014) [6].

Từ 4 căn cứ trên, chúng tôi xây dựng mức độ ĐG từng thành phần của NL đặc thù (NL khoa học tự nhiên) gồm 3 mức: chưa đạt, đạt và vượt.

### 2.5.2. Tiêu chí mức độ đánh giá năng lực đặc thù môn Khoa học ở trường Tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Dựa vào những căn cứ đã nêu ở mục 2.5.1, chúng tôi xây dựng mức độ ĐG NL đặc thù môn Khoa học ở trường Tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 như sau (xem Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3).

### 2.5.3. Vận dụng mức độ đánh giá năng lực nhận thức khoa học tự nhiên để đo năng lực của học sinh lớp 4

Dựa vào mức độ ĐG NL nhận thức khoa học tự nhiên

đã nêu ở mục 2.5.1, chúng tôi cụ thể hóa nội dung ĐG theo mức độ ĐG (xem Bảng 4):

### 3. Kết luận

ĐG NL HS là một việc làm rất phức tạp. Vì vậy, để có thể thực hiện, đo lường chính xác, khách quan NL người học cần phải xây dựng các mức độ, tiêu chí cụ thể, rõ ràng dựa trên kiến thức và kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành và kinh nghiệm sống, thái độ, động cơ học tập, xúc cảm, giá trị. Việc xác định được các mức độ ĐG NL nhận thức khoa học tự nhiên, NL tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh, NL vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học giúp giáo viên dễ dàng thực hiện khi đo lường sự phát triển NL HS. Vận dụng mức độ ĐG NL nhận thức khoa học tự nhiên vào ĐG NL HS lớp 4 cho thấy mức độ ĐG dễ vận dụng, phù hợp, khả thi, dễ thực hiện.

### Tài liệu tham khảo

- |   |   |
|---|---|
| <p>[1] Weinert F.E, (2001), <i>Vergleichende Leistungsmessung in Schulen – eineumstrittene, Selbstverstandlichkeit</i>, In F. E. Weinert (eds), <i>Leistungsmessung in Schulen</i>, Weinheim und Basejl: Beltz Verlag.</p> <p>[2] OECD,(2002),<i>DefinitionandSelectionofCompetencies: Theoretica and Conceptual Foundation</i>.</p> <p>[3] L'Education, Q.-M. de, (2004), <i>Québec Education Program</i>, Secondary School Education.</p> <p>[4] Hoàng Phê, (2012), <i>Từ điển tiếng Việt</i>, Viện Ngôn ngữ học, NXB Từ điển Bách Khoa.</p> <p>[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/11/2018), <i>Chương trình Giáo dục phổ thông</i> ban hành kèm theo Thông tư</p> | <p>32/2018/TT-BGDĐT.</p> <p>[6] Nguyễn Thị Lan Phương (chủ biên), (2016), <i>Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>[7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/11/2018), <i>Chương trình Giáo dục phổ thông môn Khoa học</i> ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT.</p> <p>[8] Tài liệu bồi dưỡng Mô đun 3.0, (2020), <i>Kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực môn Khoa học</i>.</p> <p>[9] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (04/9/2020), <i>Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT quy định đánh giá học sinh Tiểu học</i>.</p> |
|---|---|

## ASSESSMENT OF SPECIFIC COMPETENCY FOR SCIENCE SUBJECT IN PRIMARY SCHOOLS UNDER THE 2018 GENERAL EDUCATION CURRICULUM

### Doan Thi Ngan

Ho Chi Minh City University of Technology and Education  
No. 01 Vo Van Ngan, Thu Duc city,  
Ho Chi Minh City, Vietnam  
Email: ngandt.ncs@hcmute.edu.vn

**ABSTRACT:** *Developing students' competencies is one of the major goals of renovation in the 2018 General education curriculum. In order to evaluate the competency development of students, it is important to conduct a competency assessment. In current reality, the General education curriculum as well as the 4th and 5th grade science curriculum issued under Circular No. 32/2018/TT-BGDĐT has only provided the general qualities and competencies as well as competencies specific to the science subject. Although materials on fostering, evaluating, and assessing primary school students with an orientation towards developing qualities and competencies for the science subject (Module 3.9, 2020) have determine the levels of competencies, they remain relatively vague. Therefore, it requires to develop the levels of competency assessment, specifically the specific competencies of the science subject in primary school, making the assessment of students' competencies become easy, accurate, and objective.*

**KEYWORDS:** Science subject, primary schools, assessment levels, specific competency.